

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi “**Hướng dẫn thực hiện quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế**”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế và Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐDH ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Quyết định số 07/QĐ-HĐDH ngày 19/01/2021 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư 10/2015/TT-BGDĐT ngày 12/08/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-ĐHKH ngày 30/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và Quyết định số 111/QĐ-ĐHKH ngày 09/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học ban hành Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Khoa học đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 632a/QĐ-ĐHKH ngày 30/08/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế”

Theo đề nghị của các Ông Trưởng phòng Đào tạo đại học và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Mục II.2: Căn cứ vào Quyết định công nhận hoàn thành Tuần SHCD –HSSV thuộc Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong cơ sở giáo dục đại học như sau:

“Mục II.2: Căn cứ vào Quyết định công nhận hoàn thành Tuần SHCD –HSSV để cho điểm. Trường hợp sinh viên không được công nhận hoàn thành Tuần SHCD trong học kỳ/năm học được xét, tại Mục II. **Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường, thuộc Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên có tổng điểm không vượt quá 05 (năm) điểm**”.

Đính kèm Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy.

Điều 2. Quyết định này được thực hiện từ học kỳ I năm học 2024-2025, thay thế các văn bản quy định trước đây.

Điều 3. Trưởng các phòng Tổ chức và Hành chính, Đào tạo đại học và Công tác sinh viên, Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất, Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và toàn thể sinh viên hệ chính quy trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, ĐTĐHC.TSV.



HIỆU TRƯỞNG

Võ Thanh Tùng

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 936/QĐ-ĐHKH ngày 20/10/2024 của Hiệu trưởng)

Họ và tên SV:..... Ngày sinh:.....
Lớp:..... Khoa:..... Khóa học:.....
Mã SV:..... Học kỳ:..... Năm học:.....

| NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ | | Điểm sinh viên tự đánh giá | BCS lớp và CVHT đánh giá |
|-------------------|--|----------------------------|--------------------------|
| I | Đánh giá về ý thức trong học tập (Tổng điểm 0-20đ) | | |
| 1 | Kết quả học tập: (Chọn 1 tiêu chí phù hợp) | | |
| a | Có điểm TBCHK từ 3.6 đến 4.00 | +11đ | |
| b | Có điểm TBCHK từ 3.2 đến cận 3.6 | +9đ | |
| c | Có điểm TBCHK từ 2.5 đến cận 3.2 | +7đ | |
| d | Có điểm TBCHK từ 2.0 đến cận 2.5 | +5đ | |
| e | Có điểm TBCHK từ 1.2 đến cận 2.0 | +3đ | |
| f | Có điểm TBCHK <1.2 | 0đ | |
| 2 | Hoạt động nghiên cứu khoa học, thi Olympic (Tổng điểm 0-5đ) | | |
| a | Thành viên đề tài nghiên cứu khoa học, đội Olympic cấp trường trở lên (không tính tiểu luận, đồ án môn học...). | +5đ | |
| b | Đạt giải tại các cuộc thi về nghiên cứu khoa học từ cấp Khoa trở lên. | +5đ | |
| 3 | Ý thức học tập | | |
| a | Tham gia học đầy đủ tất cả các môn. | +3đ | |
| b | Có thái độ học tập tích cực, đóng góp xây dựng bài trong học tập. | +3đ | |
| 4 | Sinh viên khuyết tật, mồ côi, gia đình hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số có kết quả học từ 2.5 trở lên | +5đ | |
| 5 | Có kết quả học tập học kỳ sau cao hơn học kỳ trước (Sinh viên năm 1, học kỳ I được cộng 3đ) | +3đ | |
| 6 | Thực hiện nội quy, quy chế học tập | | |
| a | Vi phạm quy chế thi bị khiển trách. | -4đ/lần | |
| b | Vi phạm quy chế thi bị cảnh cáo. | -6đ/lần | |
| c | Vi phạm quy chế bị đình chỉ thi học phần. | -10đ/lần | |
| | Tổng: | | |
| II | Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường (Tổng điểm 0-25đ) | | |
| 1 | Thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của các cấp được thực hiện trong trường. | +4đ | |
| 2 | Được công nhận hoàn thành Tuần sinh hoạt công dân - HSSV. (Sinh viên không được công nhận hoàn thành Tuần SHCD, Mục II có tổng điểm không vượt qua 05 (năm) điểm. | +5đ | |
| 3 | Thực hiện tốt nội quy về bảo vệ tài sản và phòng chống lãng phí của nhà trường. | +4đ | |
| 4 | Đeo bảng tên do Nhà trường quy định khi đến trường và tham dự thi học kỳ. | +4đ | |
| 5 | Thực hiện khai báo đầy đủ/kịp thời thông tin nội, ngoại trú theo quy định. | +4đ | |
| 6 | Khai báo đầy đủ/kịp thời thông tin cá nhân theo quy định của nhà trường. | +4đ | |
| 7 | Vắng 01 buổi sinh hoạt lớp; vắng 01 buổi sinh hoạt công dân (không có lý do); bị ghi tên do không có trang phục đúng quy định; vi phạm nội quy của TTTT - Thư viện; không đóng đoàn phí; hội phí, bảo hiểm bắt buộc. | -5đ/lần | |
| 8 | Vi phạm nội quy nhà trường bị lập biên bản. | -10đ/lần | |



| Iong: | | | |
|---|--|----------------------------|--------------------------|
| NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ | | Điểm sinh viên tự đánh giá | BCS lớp và CVHT đánh giá |
| III | Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (Tổng điểm 0-20đ) | | |
| 1 | Tham gia các hoạt động của khoa, trường tổ chức (không quá 15đ). | +3đ/lần | |
| 2 | Là thành viên tích cực CLB đội nhóm của khoa, trường. | +5đ | |
| 3 | Có ý thức tuyên truyền, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. | +5đ | |
| 4 | Là thành viên đội tuyển văn hóa, văn nghệ, thể thao cấp: lớp, khoa, trường trở lên. | +5đ | |
| 5 | Tham gia Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, đạt giải trong các cuộc thi văn nghệ, thể thao và phòng, chống tệ nạn xã hội (cấp khoa trở lên). | +10đ | |
| 6 | Có trong danh sách điều động nhưng không tham gia. | -5đ/lần | |
| | Tổng: | | |
| IV | Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (Tổng điểm 0-25đ) | | |
| 1 | Có lối sống lành mạnh, có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, người gặp khó khăn, hoạn nạn; tôn trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên nhà trường. | +10đ | |
| 2 | Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng. | +5đ | |
| 3 | Tham gia hiến máu nhân đạo; giữ gìn an toàn giao thông; bảo vệ môi trường; tham gia các công tác phòng, chống dịch bệnh, tình nguyện, nhân đạo, lao động công ích từ cấp khoa trở lên và địa phương (có minh chứng). | +3đ/lần | |
| 4 | Vi phạm pháp luật có phản ánh từ cơ quan chức năng (chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự). | -10đ/lần | |
| | Tổng: | | |
| V | Đánh giá ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của người học trong trường (Tổng điểm 0-10đ) | | |
| 1 | Là thành viên tham gia hỗ trợ tích cực vào các hoạt động của lớp, khoa, trường. | +5đ | |
| 2 | Là đoàn viên ưu tú, đối tượng Đảng. | +2đ | |
| 3 | Người đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện (bằng khen, giấy khen...). | +2đ | |
| 4 | Là Ban cán sự lớp, ủy viên BCH Đoàn, Hội sinh viên lớp, khoa; Ban chủ nhiệm CLB đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ. | +2đ | |
| 5 | Là UV BCH Đoàn TN, UV BCH Hội sinh viên cấp trường trở lên. | +2đ | |
| | Tổng: | | |
| Tổng điểm: (I+II+III+IV+V): 0-100đ | | | |

Ghi chú: Xếp loại Rèn luyện: **Xuất sắc** (từ 90 đến 100 điểm); **Tốt** (từ 80 đến 89 điểm); **Khá** (từ 65 đến 79 điểm); **Trung bình** (từ 50 đến 64 điểm); **Yếu** (từ 35 đến 49 điểm); **Kém** (dưới 35 điểm).

CÁ NHÂN TỰ XẾP LOẠI

Điểm..... Xếp loại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

SINH VIÊN

ĐÁNH GIÁ CỦA BCS LỚP

Điểm..... Xếp loại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

BCS LỚP

ĐÁNH GIÁ CỦA CVHT

Điểm..... Xếp loại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

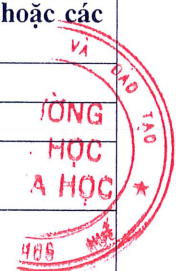
CVHT

KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG CẤP KHOA

Điểm..... Xếp loại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

TM. HỘI ĐỒNG



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế và Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HDDH ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Quyết định số 07/QĐ-HDDH ngày 19/01/2021 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư 13/2015/TT-BGDĐT ngày 12/08/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-ĐHKH ngày 30/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và Quyết định số 111/QĐ-ĐHKH ngày 09/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học ban hành Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Khoa học đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của các Ông Trưởng phòng Đào tạo đại học và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn thực hiện quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.”

Điều 2. Quyết định này được thực hiện từ học kỳ I năm học 2021 – 2022, thay thế các văn bản quy định trước đây.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng Tổ chức và Hành chính, Đào tạo đại học và Công tác sinh viên, Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất, Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và toàn thể sinh viên hệ chính quy trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, ĐTDHCTSV.



Võ Thanh Tùng

HƯỚNG DẪN TÍNH ĐIỂM

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Tổng điểm tối đa đánh giá: 100 điểm

- * Mục I: Đánh giá về ý thức học tập: 0 - 20 điểm.
- * Mục II: Đánh giá ý thức, kết quả chấp hành nội quy, quy chế nhà trường: 0 - 25 điểm.
- * Mục III: Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao phòng, chống tệ nạn xã hội: 0 - 20 điểm.
- * Mục IV: Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng: 0 - 25 điểm.
- * Mục V: Đánh giá ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể trong trường: 0 - 10 điểm.

2. Hướng dẫn cụ thể:

2.1. Đánh giá về ý thức học tập (Mục I)

- Mục I.1 : Kết quả học tập

Sinh viên chỉ được chọn 1 trong các mục từ a đến f.

Căn cứ để xác định: Kết quả học tập (điểm TBCTL) của học kỳ.

- Mục I.2 : Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), thi Olympic

Mục này các mức quy định chung cho việc tham gia NCKH và thi Olympic. Sinh viên chọn tiêu chí phù hợp, tổng điểm của mục này 0-5đ.

Căn cứ để xác định mục 2a: Xác nhận của trường.

Căn cứ để xác định mục 2b: Bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận, ...

Danh sách sinh viên thuộc mục I.2 do phòng KHCN-HTQT cung cấp.

- Mục I.3: Ý thức học tập

3a. Sinh viên tham gia học tập đầy đủ các môn đã đăng ký trong học kỳ.

3b. Sinh viên tích cực trao đổi, thảo luận, đóng góp xây dựng bài học.

Mục I.4. Sinh viên khuyết tật, mồ côi, gia đình hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số có kết quả học từ 2.5 trở lên

Sinh viên thuộc các đối tượng phải báo cáo cho Giáo viên cố vấn (CVHT) nắm danh sách, Phòng Đào tạo đại học và Công tác sinh viên sẽ đối chiếu mục này.

Mục I.5. Căn cứ kết quả học tập của 2 học kỳ liên tiếp, trường hợp sinh viên năm Nhất vừa trúng tuyển sẽ được cộng 3 điểm.

Mục I.6. Thực hiện nội quy, quy chế học tập

Chọn các mục từ a đến c nếu có vi phạm.

Danh sách do phòng KT&BDCLGD cung cấp.

2.2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường (Mục II).

Mục II.1: Thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp được thực hiện trong trường.

CVHT và ban cán sự (BCS) lớp dựa vào ý thức tuân thủ của sinh viên khi triển khai các văn bản chỉ đạo cấp trên.

Mục II.2: Căn cứ vào Quyết định công nhận hoàn thành Tuần SHCD - HSSV.

Mục II.3: Sinh viên không vi phạm nội quy được điểm trong mục này. Nếu vi phạm sẽ không được điểm.

Mục II.4: Danh sách sẽ do Đội sinh viên tự quản, các đơn vị có liên quan của Nhà trường cung cấp.

Mục II.5: Danh sách chưa khai báo theo quy định sẽ được Phòng ĐTDH&CTSV cung cấp.

Mục II.6: Danh sách chưa khai báo theo quy định sẽ được Phòng ĐTDH&CTSV cung cấp.

Mục II.7: Phần sinh hoạt lớp, danh sách đối chiếu tại lớp trưởng. Vắng sinh hoạt công dân, danh sách vắng được đăng tải web Phòng ĐTDH&CTSV. Bị ghi tên do không có trang phục theo quy định, danh sách được Đội sinh viên tự quản lập và đăng tải trên web Phòng ĐTDH&CTSV. TTTT-Thư viện sẽ báo danh sách vi phạm nội quy Thư viện trên web đơn vị. Căn cứ đánh giá danh sách khi nộp cho BCS lớp và CVHT các mục đoàn phí, hội phí. Không tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc, danh sách sẽ được Phòng KHTE&CSVC đăng trên web đơn vị.

Mục II.8. Căn cứ vào danh sách đăng tải lên web của Phòng ĐTDH&CTSV. Nếu sinh viên vi phạm ở mục II.2 đến mục II.8 thì mục II.1 sẽ không có điểm.

2.3. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (Mục III).

Mục III.1. Căn cứ vào danh sách tham gia các hoạt động của BCS và Đoàn, hội của cấp Khoa trở lên. Căn cứ vào danh sách đăng tải lên web của Phòng ĐTDH&CTSV (Mục này không quá 15đ).

Mục III.2. Căn cứ vào danh sách tham gia tích cực của CLB đội nhóm cấp khoa và trường.

Mục III.3. Sinh viên có ý thức trong tuyên truyền, phòng, chống tội phạm sẽ có điểm trong mục này.

Mục III.4. Sinh viên báo lại CVHT và BCS mình là thành viên của đội nào và Phòng ĐTDH&CTSV, Đoàn TN, Hội SV có danh sách để kiểm tra.

Mục III.5. Căn cứ danh sách của ĐTN, Hội SV cung cấp, căn cứ vào giấy khen, giấy chứng nhận, ... của ĐTN, HSV, cấp trên.

Mục III.6. Căn cứ danh sách của BCS lớp, Phòng ĐTDH&CTSV, ĐTN, HSV trong mỗi lần điều động tham gia hoạt động.

2.4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (Mục IV).

Mục IV.1. Phần này do sinh viên tự đánh giá, BCS lớp và CVHT duyệt.

Mục IV.2. Phần này do sinh viên tự đánh giá, BCS lớp và CVHT duyệt.

Mục IV.3. Căn cứ giấy chứng nhận, minh chứng từng hoạt động của sinh viên tham gia.

Mục IV.4. Căn cứ danh sách công an, các đơn vị liên quan gửi về trường, được đăng tải tại web Phòng ĐTDH&CTSV.

2.5. Đánh giá ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của người học trong trường (Mục V).

Mục V.1. CVHT và BCS lớp đánh giá tinh thần cống hiến của các sinh viên đối với các hoạt động phong trào của lớp, khoa, trường.

Mục V.2. Căn cứ vào các danh sách đã được phê chuẩn đoàn viên ưu tú và đối tượng Đảng.

Mục V.3. Căn cứ vào minh chứng.

Mục V.4. Căn cứ vào các danh sách đã được phê chuẩn và minh chứng của sinh viên.

Mục V.5. Căn cứ vào các danh sách đã được phê chuẩn và minh chứng của sinh viên.

Tổng của mục này là 10đ.

Các hoạt động trong tháng 7,8 được tính cho học kỳ I năm kế tiếp.

Quyết định công nhận hoàn thành Tuần sinh hoạt công dân – HSSV sử dụng cho 2 học kỳ.

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

1. Phân loại kết quả

1.1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

1.2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a. Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b. Từ 80 đến 89 điểm: loại tốt;
- c. Từ 65 đến 79 điểm: loại khá;
- d. Từ 50 đến 64 điểm: loại trung bình;
- e. Từ 35 đến 49 điểm: loại yếu;
- g. Dưới 35 điểm: loại kém.

2. Quy trình đánh giá

2.1. Người học căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do Nhà trường quy định.

2.2. Tổ chức họp lớp có cố vấn học tập tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng người học trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

Cố vấn học tập xác nhận kết quả họp lớp và chuyển kết quả lên Hội đồng cấp Khoa.

2.3. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trường Khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường.

2.4. Các đơn vị gửi danh sách đánh giá điểm rèn luyện cho Trường (qua phòng ĐTDH&CTSV) khi có văn bản yêu cầu.

2.5. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

2.6. Kết quả đánh giá, phân loại của sinh viên được công khai và thông báo cho sinh viên biết trước 20 ngày khi có quyết định chính thức.

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

I. Hội đồng đánh giá

1. Hội đồng cấp trường

1.1. Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.
- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Đào tạo đại học và Công tác sinh viên hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách công tác sinh viên.
- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các Khoa, phòng có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên cấp trường.

1.2. Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.
- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng Khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng Khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

1.3. Nhiệm vụ của từng đơn vị phối hợp:

1.3.1. Phòng Đào tạo đại học và Công tác sinh viên:

- Thường trực hội đồng;
- Thư ký hội đồng, tổng hợp kết quả từ Hội đồng cấp Khoa;
- Tổ chức các buổi họp Hội đồng cấp Trường (khi cần thiết);
- Công bố kết quả cho các đơn vị có liên quan và sinh viên;
- Giải quyết khiếu nại của sinh viên.
- Cung cấp các số liệu liên quan đến công tác sinh viên của trường.
- Cung cấp các số liệu liên quan đến kết quả học tập của sinh viên để tiến hành đánh giá. Sử dụng kết quả đánh giá rèn luyện ghi vào bảng điểm cuối khóa của sinh viên.

1.3.2. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục:

Cung cấp danh sách sinh viên vi phạm Quy chế thi cho Thường trực Hội đồng.

1.3.3. Phòng Kế hoạch tài chính & Cơ sở vật chất:

Cung cấp danh sách sinh viên có các khoản nợ liên quan đến vấn đề tài chính của sinh viên theo từng kỳ.

1.3.4. Phòng KHCN & HTQT:

Cung cấp danh sách sinh viên tham gia đề tài nghiên cứu Khoa học.

1.3.5. TTTT - Thư viện: Cung cấp danh sách sinh viên nợ sách Thư viện, vi phạm các quy định của TTTT- Thư viện để làm cơ sở đánh giá.

1.3.6. Đoàn thanh niên - Hội sinh viên:

Cung cấp danh sách cán bộ Đoàn - Hội, danh sách sinh viên vi phạm văn minh giảng đường và các danh sách chứng nhận các hoạt động.

2. Hội đồng cấp Khoa

2.1. Thành phần Hội đồng cấp Khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Khoa hoặc Phó trưởng Khoa được Trưởng Khoa ủy quyền.

- Các uỷ viên: Trợ lý CTSV&BDCLGD; Cố vấn học tập; đại diện Liên chi đoàn thanh niên; Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên, đại diện Ban cán sự lớp.

2.2. Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Khoa:

- Có nhiệm vụ giúp Trưởng Khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng người học trong Khoa.

II. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khoá học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khoá là trung bình chung của điểm rèn luyện các học kỳ chính khóa của khoá học.

III. Sử dụng kết quả

1. Kết quả phân loại rèn luyện từng học kỳ, năm học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học...

2. Kết quả phân loại rèn luyện toàn khoá học (trung bình chung của các học kỳ) của người học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, ghi vào bảng điểm kết quả học tập, rèn luyện và lưu trong hồ sơ tốt nghiệp của người học khi ra trường.

3. Người học có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 936a/QĐ-ĐHKH ngày 20/09/2024 của Hiệu trưởng)

Họ và tên SV:..... Ngày sinh:.....
Lớp:..... Khoa:..... Khóa học:.....
Mã SV:..... Học kỳ:..... Năm học:.....

| NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ | | Điểm sinh viên tự đánh giá | BCS lớp và CVHT đánh giá |
|-------------------|--|----------------------------|--------------------------|
| I | Đánh giá về ý thức trong học tập (Tổng điểm 0-20đ) | | |
| 1 | Kết quả học tập: (Chọn 1 tiêu chí phù hợp) | | |
| a | Có điểm TBCHK từ 3.6 đến 4.00 | +11đ | |
| b | Có điểm TBCHK từ 3.2 đến cận 3.6 | +9đ | |
| c | Có điểm TBCHK từ 2.5 đến cận 3.2 | +7đ | |
| d | Có điểm TBCHK từ 2.0 đến cận 2.5 | +5đ | |
| e | Có điểm TBCHK từ 1.2 đến cận 2.0 | +3đ | |
| f | Có điểm TBCHK <1.2 | 0đ | |
| 2 | Hoạt động nghiên cứu khoa học, thi Olympic (Tổng điểm 0-5đ) | | |
| a | Thành viên đề tài nghiên cứu khoa học, đội Olympic cấp trường trở lên (không tính tiểu luận, đồ án môn học...). | +5đ | |
| b | Đạt giải tại các cuộc thi về nghiên cứu khoa học từ cấp Khoa trở lên. | +5đ | |
| 3 | Ý thức học tập | | |
| a | Tham gia học đầy đủ tất cả các môn. | +3đ | |
| b | Có thái độ học tập tích cực, đóng góp xây dựng bài trong học tập. | +3đ | |
| 4 | Sinh viên khuyết tật, mồ côi, gia đình hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số có kết quả học từ 2.5 trở lên | +5đ | |
| 5 | Có kết quả học tập học kỳ sau cao hơn học kỳ trước (Sinh viên năm 1, học kỳ I được cộng 3đ) | +3đ | |
| 6 | Thực hiện nội quy, quy chế học tập | | |
| a | Vi phạm quy chế thi bị khiển trách. | -4đ/lần | |
| b | Vi phạm quy chế thi bị cảnh cáo. | -6đ/lần | |
| c | Vi phạm quy chế bị đình chỉ thi học phần. | -10đ/lần | |
| | Tổng: | | |
| II | Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường (Tổng điểm 0-25đ) | | |
| 1 | Thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của các cấp được thực hiện trong trường. | +4đ | |
| 2 | Được công nhận hoàn thành Tuần sinh hoạt công dân - HSSV. (Sinh viên không được công nhận hoàn thành Tuần SHCD, Mục II có tổng điểm không vượt qua 05 (năm) điểm. | +5đ | |
| 3 | Thực hiện tốt nội quy về bảo vệ tài sản và phòng chống lãng phí của nhà trường. | +4đ | |
| 4 | Đeo băng tên do Nhà trường quy định khi đến trường và tham dự thi học kỳ. | +4đ | |
| 5 | Thực hiện khai báo đầy đủ/kịp thời thông tin nội, ngoại trú theo quy định. | +4đ | |
| 6 | Khai báo đầy đủ/kịp thời thông tin cá nhân theo quy định của nhà trường. | +4đ | |
| 7 | Vắng 01 buổi sinh hoạt lớp; vắng 01 buổi sinh hoạt công dân (không có lý do); bị ghi tên do không có trang phục đúng quy định; vi phạm nội quy của TTTT - Thư viện; không đóng đoàn phí; hội phí, bảo hiểm bắt buộc. | -5đ/lần | |
| 8 | Vi phạm nội quy nhà trường bị lập biên bản. | -10đ/lần | |

| Tổng: | | | |
|---|--|-----------------------------------|---------------------------------|
| NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ | | Điểm sinh viên tự đánh giá | BCS lớp và CVHT đánh giá |
| III | Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (Tổng điểm 0-20đ) | | |
| 1 | Tham gia các hoạt động của khoa, trường tổ chức (không quá 15đ). | +3đ/lần | |
| 2 | Là thành viên tích cực CLB đội nhóm của khoa, trường. | +5đ | |
| 3 | Có ý thức tuyên truyền, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. | +5đ | |
| 4 | Là thành viên đội tuyển văn hóa, văn nghệ, thể thao cấp: lớp, khoa, trường trở lên. | +5đ | |
| 5 | Tham gia Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, đạt giải trong các cuộc thi văn nghệ, thể thao và phòng, chống tệ nạn xã hội (cấp khoa trở lên). | +10đ | |
| 6 | Có trong danh sách điều động nhưng không tham gia. | -5đ/lần | |
| Tổng: | | | |
| IV | Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (Tổng điểm 0-25đ) | | |
| 1 | Có lối sống lành mạnh, có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, người gặp khó khăn, hoạn nạn; tôn trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên nhà trường. | +10đ | |
| 2 | Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng. | +5đ | |
| 3 | Tham gia hiến máu nhân đạo; giữ gìn an toàn giao thông; bảo vệ môi trường; tham gia các công tác phòng, chống dịch bệnh , tình nguyện, nhân đạo, lao động công ích từ cấp khoa trở lên và địa phương (có minh chứng). | +3đ/lần | |
| 4 | Vi phạm pháp luật có phản ánh từ cơ quan chức năng (chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự). | -10đ/lần | |
| Tổng: | | | |
| V | Đánh giá ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của người học trong trường (Tổng điểm 0-10đ) | | |
| 1 | Là thành viên tham gia hỗ trợ tích cực vào các hoạt động của lớp, khoa, trường. | +5đ | |
| 2 | Là đoàn viên ưu tú, đối tượng Đảng. | +2đ | |
| 3 | Người đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện (bằng khen, giấy khen...). | +2đ | |
| 4 | Là Ban cán sự lớp, ủy viên BCH Đoàn, Hội sinh viên lớp, khoa; Ban chủ nhiệm CLB đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ. | +2đ | |
| 5 | Là UV BCH Đoàn TN, UV BCH Hội sinh viên cấp trường trở lên. | +2đ | |
| Tổng: | | | |
| Tổng điểm: (I+II+III+IV+V): 0-100đ | | | |

Ghi chú: Xếp loại Rèn luyện: **Xuất sắc** (từ 90 đến 100 điểm); **Tốt** (từ 80 đến 89 điểm); **Khá** (từ 65 đến 79 điểm); **Trung bình** (từ 50 đến 64 điểm); **Yếu** (từ 35 đến 49 điểm); **Kém** (dưới 35 điểm).

CÁ NHÂN TỰ XẾP LOẠI

Điểm..... Xếp loại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

SINH VIÊN

ĐÁNH GIÁ CỦA BCS LỚP

Điểm..... Xếp loại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

BCS LỚP

ĐÁNH GIÁ CỦA CVHT

Điểm..... Xếp loại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

CVHT

KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG CẤP KHOA

Điểm..... Xếp loại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

TM. HỘI ĐỒNG